

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BA TRI
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 28/01/2022
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Huyền Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hồng Vân

2. Bà Huỳnh Thị Bích Vân

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Hoàng Long – Thư ký Tòa án.

Ngày 28 tháng 01 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 342/2021/TLST-HNGĐ ngày 20/10/2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2021/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Mai L, sinh năm 1972; (vắng mặt có đơn)

Địa chỉ: Ấp AH, xã AT, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn:* Ông Võ Văn Đ, sinh năm 1971; (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp AH, xã AT, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/10/2021 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Trần Thị Mai L trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Võ Văn Đ tự nguyện kết hôn vào năm 1995 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã AT vào ngày 14/4/2004. Thời gian đầu, vợ chồng bà chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2018 thì cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc do có nhiều quan điểm bất đồng nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, gây gổ nhau. Từ năm 2018, vợ chồng bà sống ly thân cho đến nay.

Do nhận thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn nên bà yêu cầu ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Có 02 con chung tên Võ Đăng T, sinh ngày 10/4/1997 và Võ Đăng M, sinh ngày 11/02/2003. Hiện con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Trong quá trình tố tụng vụ án, bị đơn ông Võ Văn Đ không có văn bản thể hiện ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của bà L và không đến Tòa án để tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa. Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn được triệu tập họp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn cố tình vắng mặt không có lý do. Căn cứ các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Mai L và ông Võ Văn Đ kết hôn năm 1995 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Do đó, hôn nhân của bà L và ông Đ là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình giải quyết vụ án, bà L cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn nên yêu cầu ly hôn với ông Đ. Ông Đ biết việc bà L yêu cầu ly hôn nhưng không đến Tòa chứng tỏ ông Đ không có thiện chí hàn gắn cùng bà L. Mặc khác, thời gian ly thân đã lâu nhưng cả hai vẫn không thể hàn gắn. Do đó, HĐXX xét thấy tình trạng hôn nhân của bà L và ông Đ đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu ly hôn của bà L là có căn cứ phù hợp với quy định khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được HĐXX chấp nhận.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, bà L và ông Đ có 02 con chung tên Võ Đăng T, sinh ngày 10/4/1997 và Võ Đăng M, sinh ngày 11/02/2003. Hiện con chung đã trưởng thành nên HĐXX không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không ai có yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị Mai L phải nộp án phí hôn nhân gia đình theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 207, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận cho bà Trần Thị Mai L ly hôn với ông Võ Văn Đ.
2. Về con chung: Có 02 con chung tên Võ Đăng T, sinh ngày 10/4/1997 và Võ Đăng M, sinh ngày 11/02/2003. Con chung đã trưởng thành.
3. Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét.
4. Về án phí: Bà Trần Thị Mai L phải nộp án phí hôn nhân gia đình là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào biên lai thu tiền số 0003085 ngày 18/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- UBND xã *AT* (B, Bến Tre);
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Trần Thị Huyền Nhung

